TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 129/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2020
V/v ly hôn, nuôi con chung
giữa chị Nh và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư K phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1974. Địa chỉ: Xóm Nguyễn Đào, xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm Nguyễn Đào, xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị Nh, anh K đều vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07-5-2020 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nh đăng K kết hôn với anh Nguyễn Văn K vào ngày 19-12-1994 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Tân trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nh giấu anh K

vay số tiền 120.000.000đ để làm ăn kinh doanh riêng nhưng thua lỗ hết, không trả được nợ, nhiều chủ nợ đến tận nhà để đòi nợ. Vì vậy, chị Nh đã đi lao động tại Đài Loan để kiếm tiền trả nợ, khỏi liên lụy đến gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian chị Nh đi lao động, các chủ nợ đến nhà đòi nợ anh K nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Từ năm 2018, chị Nh về nước, đã chủ động trình bày việc vay nợ và xin lỗi anh K nhưng anh K không chấp nhận. Đầu năm 2019, anh K bỏ vào nam làm ăn, hàng năm vẫn về thăm nhà, thăm con nhưng vợ chồng không có mối liên hệ, không trao đổi với nhau bất cứ vấn đề gì. Bản thân chị Nh đã chủ động hàn gắn, nhờ anh em bạn bè động viên nhưng không có kết quả, anh K kiên quyết không đoàn tụ. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Nhãn, sinh ngày 15-5-1996 và Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 04-11-2008. Hiện nay, cháu Nhãn đã trưởng thành, xây dựng gia đình ở riêng; cháu Khoa đang ở cùng chị Nh. Khi ly hôn, chị Nh có nguyện vọng nuôi cháu Khoa và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ: Trước khi ly hôn, chị Nh và anh K đã tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ. Để tránh xảy ra tranh chấp sau này, chị Nh đề nghị Tòa án công nhận nội dung thỏa thuận giữa chị và anh K như sau:

+ Anh K được quyền sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 238 m^2 (trong đó 120m^2 đất ở, 20m^2 đất vườn, 98 m^2 đất nuôi thủy sản), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH501330 ngày 12-5-2017 mang tên vợ chồng (ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh).

+ Chị Nh được quyền sử dụng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 465 m^2 (trong đó 180 m^2 đất ở, 155 m^2 đất vườn, 130 m^2 đất ao), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC522075 ngày 28-10-2005 mang tên vợ chồng (ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh) và được sở hữu nhà cấp bốn bốn gian, công trình phụ liền kề xây dựng trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 xe máy Weve BKS 18H1- 42072 (đăng K xe mang tên anh Nguyễn Văn K), 01 bộ salong tàu, 01 máy giặt, 01 ti vi, 01 tủ lạnh.

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cả hai thửa đất trên anh K đang quản lý. Sau khi bản án Hôn nhân và gia đình giữa chị Nh và anh K có hiệu lực pháp luật, anh K phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC522075 ngày 28-10-2005 mang tên ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh cho chị Nh để chị Nh đăng K quyền sử dụng đất theo quyết định của tòa án. Về ruộng nông

nghiệp: Chị Nh và anh K đã tự thỏa thuận phân chia bằng biên bản thỏa thuận riêng do hai bên tự K kết nên chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nh và anh K không phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho nhau.

Về tài sản riêng: Chị Nh xác nhận và đề nghị Tòa án ghi nhận thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 152 m^2 (trong đó 60 m^2 đất ở, 62 m^2 đất vườn, 30 m^2 đất ao), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD632146 ngày 18-10-2010 mang tên ông Nguyễn Văn K là tài sản riêng của anh K, không phải tài sản chung vợ chồng.

Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ chung, nợ riêng của ai người đó tự có trách nhiệm trả nên chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 08/5/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn K có lời khai phù hợp với lời khai của chị Phạm Thị Nh về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn, anh K xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

- Về con chung và tài sản: Anh K có lời khai và yêu cầu thống nhất với chị Nh về con chung và tài sản. Khi ly hôn, anh K nhất trí để chị Nh nuôi dưỡng cháu Khoa, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nh. Ngoài ra, anh K công nhận anh đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) các thửa đất của hai vợ chồng nên nhận có trách nhiệm giao QCNQSDĐ thửa đất mà chị Nh được quyền sử dụng cho chị Nh khi bản án Hôn nhân và gia đình giữa chị Nh và anh K có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh, anh K đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nh, anh K đều xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nh, anh K là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng K kết hôn ngày 19-12-1994. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế; không có sự tin tưởng, chia sẻ với nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù đã được đôi bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Chị Nh, anh K đã sống ly thân,

chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị Nh đề nghị xin được ly hôn với anh K; anh K nhất trí thuận tình ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nh đối với anh K thì thấy: Kể từ năm 2015, giữa anh K,chị Nh đã xảy ra mâu thuẫn về kinh tế nên không có sự tin tưởng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Từ năm 2015 đến năm 2018, chị Nh đi lao động nước ngoài, khi về nước đã chủ động hàn gắn nhưng anh K không chấp nhận. Chị Nh và anh K đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2015 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh K là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nh và anh K đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Nh, anh K để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nh và anh K có 02 con chung là Nguyễn Thị Nhãn, sinh ngày 15-5-1996 và Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 04-11-2008. Hiện nay, cháu Nhãn đã trưởng thành, xây dựng gia đình ở riêng; cháu Khoa đang ở với chị Nh. Khi ly hôn, chị Nh, anh K đều có nguyện vọng để chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Đồng thời, cháu Khoa cũng có nguyện vọng xin được ở với chị Nh. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của chị Nh, anh K là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Đăng Khoa cho chị Phạm Thị Nh nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nh là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh, anh K đã tự thỏa thuận phân chia tài sản và đề nghị Tòa án ghi nhận trong quyết định của Tòa án. Xét việc thỏa thuận phân chia tài sản và yêu cầu công nhận về tài sản giữa chị Nh và anh K là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh K, chị Nh về tài sản như sau:

**Về phân chia tài sản chung:*

+ Anh K được quyền sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 238 m^2 (trong đó 120m^2 đất ở, 20m^2 đất vườn, 98 m^2 đất nuôi thủy sản), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH501330 ngày 12-5-2017 mang tên vợ chồng (ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh).

+ Chị Nh được quyền sử dụng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 465 m^2 (trong đó 180 m^2 đất ở, 155 m^2 đất vườn, 130 m^2 đất ao), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC522075 ngày 28-10-2005 mang tên vợ chồng (ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh) và được sở hữu

nhà cấp bốn bốn gian, công trình phụ liền kề xây dựng trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 xe máy Weve BKS 18H1- 42072 (đăng K xe mang tên anh Nguyễn Văn K), 01 bộ salong tàu, 01 máy giặt, 01 ti vi, 01 tủ lạnh.

Chị Nh và anh K không phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho nhau. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cả hai thửa đất trên anh K đang quản lý. Sau khi bản án Hôn nhân và gia đình giữa chị Nh và anh K có hiệu lực pháp luật, anh K phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC522075 ngày 28-10-2005 mang tên ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh để chị Nh đăng K quyền sử dụng đất theo quyết định của tòa án.

Về ruộng nông nghiệp: Chị Nh và anh K đã tự thỏa thuận phân chia bằng biên bản thỏa thuận riêng do hai bên tự K kết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**Về tài sản riêng*: Chị Nh và anh K đều xác nhận, đề nghị Tòa án ghi nhận thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 152 m^2 (trong đó 60 m^2 đất ở, 62 m^2 đất vườn, 30 m^2 đất ao, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD632146 ngày 18-10-2010 mang tên ông Nguyễn Văn K là tài sản riêng của anh K, không phải tài sản chung vợ chồng.

**Về công nợ*: Chị Nh, anh K đều xác định không vay nợ chung, nợ riêng của ai người đó tự có trách nhiệm trả, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do anh K, chị Nh tự thỏa thuận giải quyết về tài sản trước khi Tòa án hòa giải nên không phải chịu án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Nh và anh Nguyễn Văn K

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng Khoa , sinh ngày 04-11-2008 cho chị Phạm Thị Nh tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Văn K không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Nh mà có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con. Hiện cháu Khoa đang do chị Nh nuôi dưỡng nên hai bên

không phải bàn giao con cho nhau.

3. Về tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

3.1. Về tài sản chung:

+ Anh K được quyền sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 238 m^2 (trong đó 120m^2 đất ở, 20m^2 đất vườn, 98 m^2 đất nuôi thủy sản), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH501330 ngày 12-5-2017 mang tên vợ chồng (ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh).

+ Chị Nh được quyền sử dụng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 465 m^2 (trong đó 180 m^2 đất ở, 155 m^2 đất vườn, 130 m^2 đất ao), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC522075 ngày 28-10-2005 mang tên vợ chồng (ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh); và được sở hữu nhà cấp bốn bốn gian, công trình phụ liền kề xây dựng trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 xe máy Weve BKS 18H1- 42072 (đăng K xe mang tên anh Nguyễn Văn K), 01 bộ salong tàu, 01 máy giặt, 01 ti vi, 01 tủ lạnh.

Chị Nh và anh K không phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho nhau. Sau khi bản án ly hôn giữa chị Nh và anh K có hiệu lực pháp luật, anh K phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC522075 ngày 28-10-2005 mang tên ông Nguyễn Văn K cùng bà Phạm Thị Nh cho chị Nh.

Về ruộng nông nghiệp: Chị Nh và anh K đã tự thỏa thuận phân chia bằng biên bản thỏa thuận riêng do hai bên tự K kết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về công nợ: Chị Nh, anh K không vay nợ chung, nợ riêng của ai người đó tự có trách nhiệm trả, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3.2. Về tài sản riêng:

Công nhận thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3 xã Hải Tân diện tích 152 m^2 (trong đó 60 m^2 đất ở, 62 m^2 đất vườn, 30 m^2 đất ao), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD632146 ngày 18-10-2010 mang tên ông Nguyễn Văn K là tài sản riêng của anh K, không phải tài sản chung vợ chồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị Nh phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002095 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Phạm Thị Nh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Tân;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chinh **Đỗ Việt Hùng** **Ngô Thị Hòe**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Tân;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chinh **Đỗ Việt Hùng** **Ngô Thị Hòe**